

Số: 34 /BC-HĐND

Cà Mau, ngày 24 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO

**Thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách tín dụng
ưu đãi vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng
Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và
các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kinh tế - Ngân sách và phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về phân công thẩm tra văn bản trình Kỳ họp thứ 8 (chuyên đề) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X¹. Ngày 23 tháng 02 năm 2026, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau, như sau:

1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung cơ bản của Nghị quyết; ý kiến đại biểu và vấn đề còn ý kiến khác nhau

a) Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Tại khoản 7 Điều 5 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, quy định: “**Hội đồng nhân dân cấp tỉnh** quyết định cơ chế, chính sách cụ thể và bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh”. Về nội dung bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 về Kế hoạch Đầu tư công năm 2026 tỉnh Cà Mau, bố trí 1.811.000 triệu đồng để thực hiện chính sách này.

Đồng thời, tại khoản 1, khoản 3, khoản 5 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, quy định: “*Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác và xử lý nợ rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan do **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh***

¹. Công văn số 40/HĐND-TT ngày 12 tháng 02 năm 2026.

quyết định trên cơ sở các quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội và phù hợp với thực tế tại địa phương”.

Ngày 06 tháng 12 năm 2019, Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau đã ban hành Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ, cho vay đối với các hộ Làng nghề thuộc Công viên Văn hoá - Du lịch Mũi Cà Mau và đối tượng xuất khẩu lao động trên địa tỉnh Cà Mau (*hiện nay áp dụng trên toàn địa bàn tỉnh Cà Mau mới, thay cho Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu quy định chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021 - 2025*). Tuy nhiên, còn nhiều đối tượng chính sách, hộ nghèo và các đối tượng đặc thù tại địa phương có nhu cầu vay vốn để sản xuất, kinh doanh nhưng chưa tiếp cận được nguồn vốn.

Do đó, để cụ thể hóa các quy định của Trung ương, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.
- Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15.
- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15.
- Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.
- Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

c) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung cơ bản của Nghị quyết

- *Về phạm vi điều chỉnh:* Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Luật Đầu tư công số

58/2024/QH15 và tại khoản 1, khoản 3, khoản 5 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- *Về đối tượng áp dụng:* Các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan đến việc quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác².

- *Về mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay:*

+ Đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này

a) Mức cho vay: Tối đa là 100 triệu đồng/hộ.

b) Thời hạn cho vay: Tối đa là 10 năm (120 tháng).

c) Lãi suất cho vay: Hộ nghèo bằng 4,8%/năm; hộ cận nghèo bằng 5,76%/năm; hộ mới thoát nghèo bằng 6,0%/năm.

+ Đối với các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này

a) Mức cho vay: Tối đa bằng 100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài được ghi trong hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài nhưng không vượt quá 200 triệu đồng/lao động.

b) Thời hạn cho vay: Căn cứ vào thời hạn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động và khả năng trả nợ của người vay nhưng tối đa không quá thời hạn làm việc ở nước ngoài của người lao động được ghi trong hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

c) Lãi suất cho vay: Bằng 6,24%/năm.

+ Đối với các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này.

a) Mức cho vay: Tối đa là 25 triệu đồng/01 loại công trình/lao động.

b) Thời hạn cho vay: Tối đa là 05 năm (60 tháng).

c) Lãi suất cho vay: Bằng 7,5%/năm.

+ Đối với các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này:

a) Mức cho vay: Tối đa là 200 triệu đồng/lao động.

b) Thời hạn cho vay: Tối đa là 10 năm (120 tháng).

c) Lãi suất cho vay: Bằng 7,92%/năm.

+ Đối với các đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết này: Thực

². Hộ nghèo; hộ cận nghèo; hộ mới thoát nghèo; người lao động thường trú trên địa bàn tỉnh Cà Mau có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (người lao động là bộ đội, công an phục viên, xuất ngũ và người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo); hộ gia đình cư trú hợp pháp tại các phường chưa có công trình cấp nước, công trình vệ sinh hoặc đã có nhưng bị hư hỏng cần phải xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa; cán bộ, công chức, viên chức, công nhân trong cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh có nhu cầu vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm; các đối tượng theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

d) Ý kiến đại biểu và những vấn đề còn ý kiến khác nhau:

Tại Hội nghị thẩm tra, các đại biểu đã tham gia ý kiến, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, làm rõ một số nội dung sau: (1) Làm rõ căn cứ, tiêu chí xác định hộ có hoàn cảnh khó khăn; (2) Rà soát, điều chỉnh thuật ngữ “công nhân” thành “người lao động” để bảo đảm thống nhất, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành; (3) Xem xét sự cần thiết phải quy định lại trong Nghị quyết này đối với các đối tượng đã được quy định tại văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; (4) Rà soát, xác định lại thời điểm có hiệu lực thi hành của Nghị quyết để bảo đảm tính khả thi và phù hợp quy định.

- *Ý kiến của đại diện lãnh đạo Sở Tư pháp:* Đề nghị rà soát, xác định rõ nhóm đối tượng thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân. Thống nhất sử dụng thuật ngữ “đối tượng” thay cho “khách hàng” để bảo đảm phù hợp với tính chất văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, đề nghị giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể cơ chế xử lý rủi ro trước khi tổ chức triển khai thực hiện, nhằm bảo đảm tính chặt chẽ và khả thi.

- *Ý kiến thông tin, giải trình, tiếp thu của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội:*

Tiếp thu các ý kiến góp ý của đại biểu, sẽ rà soát quy định các đối tượng khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh ngoài các đối tượng quy định của Chính phủ nhằm đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế địa phương; điều chỉnh lại quy định cơ chế xử lý rủi ro cho phù hợp với tình hình thực tế địa phương; sẽ chỉnh sửa hoàn thiện lại dự thảo Nghị quyết và trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại kỳ họp.

- Ý kiến của đại diện lãnh đạo Sở Tài chính

Sở Tài chính tiếp thu, phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh hoàn chỉnh nội dung dự thảo nghị quyết, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông tại Kỳ họp.

Các ý kiến thảo luận của đại biểu được cơ quan soạn thảo giải trình, tiếp thu, làm rõ, được đại biểu thống nhất.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với chủ trương, đường lối của Đảng, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Nội dung dự thảo nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tình hình, điều kiện thực tế tại địa phương.

3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Nghị quyết

a) *Về tính hợp hiến:* Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp và không trái với các quy định cụ thể của Hiến pháp năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

b) *Về tính hợp pháp:* Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp, đảm bảo tính hợp pháp theo các quy định pháp luật khác có liên quan.

c) Về tính thống nhất với hệ thống pháp luật: Nội dung dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở quy định của hệ thống văn bản pháp luật có giá trị pháp lý hiện hành³.

4. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Nội dung dự thảo Nghị quyết chỉ quy định về đối tượng mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, không tạo thêm thủ tục hành chính mới.

5. Nguồn lực tài chính, nguồn lực đảm bảo thi hành Nghị quyết

Nguồn kinh phí thực hiện được Hội đồng nhân dân tỉnh đã bố trí ngân sách địa phương để ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh, với kế hoạch vốn 1.811.000 triệu đồng, tại Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025. Vì vậy các điều kiện về nguồn lực và điều kiện cho việc thi hành Nghị quyết là đảm bảo tính khả thi.

6. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo dự thảo Nghị quyết

a) Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày: Thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

b) Về trình tự, thủ tục soạn thảo dự thảo Nghị quyết

Trên cơ sở thống nhất lập danh mục xây dựng Nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh⁴, Sở Tài chính được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo nghị quyết, đã thực hiện xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy trình, thời gian và thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành⁵.

³. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15; Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm; Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

⁴. Tại Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2025.

⁵. Hồ sơ trình thẩm tra, gồm: (1) Tờ trình số 63/TTr-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi từ vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau; (2) dự thảo thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi từ vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau; (3) Bảng thuyết minh nội dung dự thảo thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi từ vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau; (4) Báo cáo số 1227BC-STP ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi vốn đầu tư công ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau; (5) Báo cáo số 498/BC-STC ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Sở Tài chính giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp

Trong quá trình xây dựng văn bản, cơ quan soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến, nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo, xây dựng tờ trình, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp dự thảo và các tài liệu có liên quan; đồng thời, đăng tải các tài liệu này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết được Sở Tư pháp tổ chức thẩm định đúng quy trình và có báo cáo kết quả thẩm định, đủ điều kiện trình kỳ họp.

7. Quan điểm, ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh

Qua Hội nghị thẩm tra, cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan trình đã tiếp thu, hoàn chỉnh theo các ý kiến đóng góp của đại biểu hoàn chỉnh Tờ trình, nội dung dự thảo Nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất như dự thảo và đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể các đối tượng thụ hưởng chính sách, mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và phân cấp xử lý nợ rủi ro là phù hợp với tình hình thực tế, khả năng nguồn vốn ủy thác của địa phương, nhằm tạo điều kiện cho các đối tượng thụ hưởng được tiếp cận nguồn vốn vay, góp phần giải quyết việc làm, khởi nghiệp, tạo thu nhập, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền và phù hợp với thực tế địa phương và được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất chủ trương tại Thông báo số 303-TB/TU ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết, kính trình đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thành viên Ban KT-NS;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐVP, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Trang Thông tin điện tử;
- Phòng CT. HĐND;
- Lưu: VT, NA.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH TRƯỞNG BAN



Vũ Hồng Như Yến

đối với dự thảo thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi từ vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau; (6) Bảng tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự thảo thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi từ vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau; (7) Thông báo số 303-TB/TU ngày 31 tháng 12 năm 2025 thông báo ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh Ủy về các nội dung của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo.